



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018



# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 – THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>2</b>
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	2
1. Quá trình hình thành và phát triển	2
2. Các mốc sự kiện quan trọng	2
3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua	3
4. Các sự kiện đầu tư lớn	3
II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	4
1. Ngành nghề kinh doanh	4
2. Địa bàn kinh doanh	4
III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	4
1. Mô hình quản trị	4
2. Cơ cấu bộ máy quản lý	5
3. Các Công ty con, Công ty liên kết	6
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	6
1. Mục tiêu chung	6
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	6
V. CÁC RỦI RO	7
<b>PHẦN 2 – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>8</b>
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018	8
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	8
1. Danh sách Ban điều hành	8
2. Những thay đổi trong HĐQT và BKS	9
3. Chính sách đối với người lao động	9
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	10
1. Tình hình thực hiện công tác đầu tư	10
2. Tình hình hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết	11
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	11
1. Tình hình tài chính	11
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	11
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	12
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI	12
1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	12
2. Kiểm soát môi trường làm việc	13
3. Chăm lo sức khỏe cho NLD	13
4. Đối với cộng đồng và xã hội	13

<b>PHẦN 3 – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>13</b>
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	13
1. Phân tích tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty	13
2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được	14
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	14
1. Tình hình tài sản	14
2. Tình hình nợ phải trả	15
III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019	15
1. Các chỉ tiêu chính	15
2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2019	15
IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	16
1. Bảo vệ môi trường	16
2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội	16
3. Phát triển nguồn nhân lực	16
4. Phát huy dân chủ	17
<b>PHẦN 4 – ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>17</b>
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	17
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	17
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	17
<b>PHẦN 5 – QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>18</b>
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
1. Cơ cấu Hội đồng quản trị	18
2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT	19
3. Hoạt động của HĐQT	19
4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT	20
5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	21
II. BAN KIỂM SOÁT	21
1. Cơ cấu Ban Kiểm soát	21
2. Hoạt động của BKS năm 2018	22
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS	22
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	22
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	22
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	23
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	23
<b>PHẦN 6 – BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018</b>	<b>24</b>

## GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- BĐH : Ban Điều hành
- BHXH : Bảo hiểm xã hội
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức (TIMEXCO)
- CP : Cổ phiếu
- CHXD : Cửa hàng xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- KH : Kế hoạch
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- NLĐ : Người lao động
- NSDLĐ : Người sử dụng lao động
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- TH : Thực hiện
- Tổng công ty : Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)
- VDL : Vốn điều lệ

301  
ON  
O P  
Ư  
TN  
TH  
TIM  
JUC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**  
**NĂM 2018**

**Phần 1**  
**THÔNG TIN CHUNG**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- Tên giao dịch quốc tế: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TIMEXCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301444626
- Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-8) 028 38966819
- Số fax: (84-8) 028 38963210
- Website: [www.timexcothuduc.com.vn](http://www.timexcothuduc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TMC

**1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được hình thành từ việc sáp nhập 02 doanh nghiệp nhà nước là Công ty Vật tư Tổng hợp huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức với tên gọi Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức, đến năm 2000 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức cho đến nay. Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thêm nhiều ngành hàng mới. Hiện nay, Công ty đã có hệ thống 20 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động tại quận Thủ Đức, Quận 9, Quận 2, huyện Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận và tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 05/12/2014 Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức chính thức trở thành Công ty con của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), hiện đang nắm giữ 51,01% VDL của Công ty.

**2. Các mốc sự kiện quan trọng**

Ngày 27/03/2000: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng, trong đó phần vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 40%

- Năm 2002: Tăng VDL lên 18 tỷ đồng
- Năm 2004: Bán đấu giá thành công 40% phần vốn Nhà nước
- Năm 2006: Tăng VDL lên 27 tỷ đồng
- Tháng 12/2006: Cổ phiếu của TIMEXCO được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)
- Năm 2007: Tăng VDL lên 40 tỷ đồng
- Tháng 5/2009: Chuyển niêm yết sang giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)
- Năm 2010: Tăng VDL lên 80 tỷ đồng
- Năm 2012: Tăng VDL lên 124 tỷ đồng

### **3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua**

- ❖ Năm 2008: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước và được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2009: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2010: Công ty đạt Cúp Thương hiệu Chứng khoán uy tín và được Cờ Thi đua của Chính phủ.
- ❖ Năm 2011: Công ty được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2012: Công ty được tặng Bằng khen và Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ 9 năm liền (2007 – 2015) Công ty liên tục được đánh giá xếp hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- ❖ Đạt giải “Sao vàng đất Việt” các năm 2010, 2011, 2012 và 2013.
- ❖ Năm 2014: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng; được Bằng khen của Bộ Công Thương đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc công tác kinh doanh năm 2014.
- ❖ Năm 2015: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác vận động quỹ Vì người nghèo giai đoạn 2001- 2015.
- ❖ Năm 2016: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Bộ Công Thương.
- ❖ Công ty đã liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” qua các năm từ năm 2001 đến năm 2018.

### **4. Các sự kiện đầu tư lớn**

- Ngày 09/01/2012, khai trương Siêu thị Điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, tổng trị giá đầu tư 32 tỷ đồng. Siêu thị được xây dựng lại trên nền của Trung tâm điện máy 30-4 cũ, được sử dụng làm siêu thị chuyên kinh doanh mặt hàng điện máy, điện tử, đồ dùng gia đình, nội thất.

- Cùng ngày 09/01/2012, khai trương Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị TMC Palace tại số 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức. Đây là sự kiện đánh dấu sự ra đời một ngành kinh doanh mới của Công ty. Cuối năm 2014, khai trương thêm Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Rose Palace tại số 746 Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, quận Thủ Đức.

## **II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

### **1. Ngành nghề kinh doanh**

- Thương nhân phân phối xăng dầu, nhớt, mỡ, ...
- Kinh doanh hàng kim khí điện máy, xe đạp, dụng cụ gia đình
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy
- Kinh doanh sắt thép xây dựng
- Dịch vụ nhà hàng tiệc cưới, hội nghị
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi
- Kinh doanh khác

### **2. Địa bàn kinh doanh**

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Dương, Đồng Nai, ngoài ra còn có điểm kinh doanh tại Bình Thuận, Tiền Giang.

## **III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**

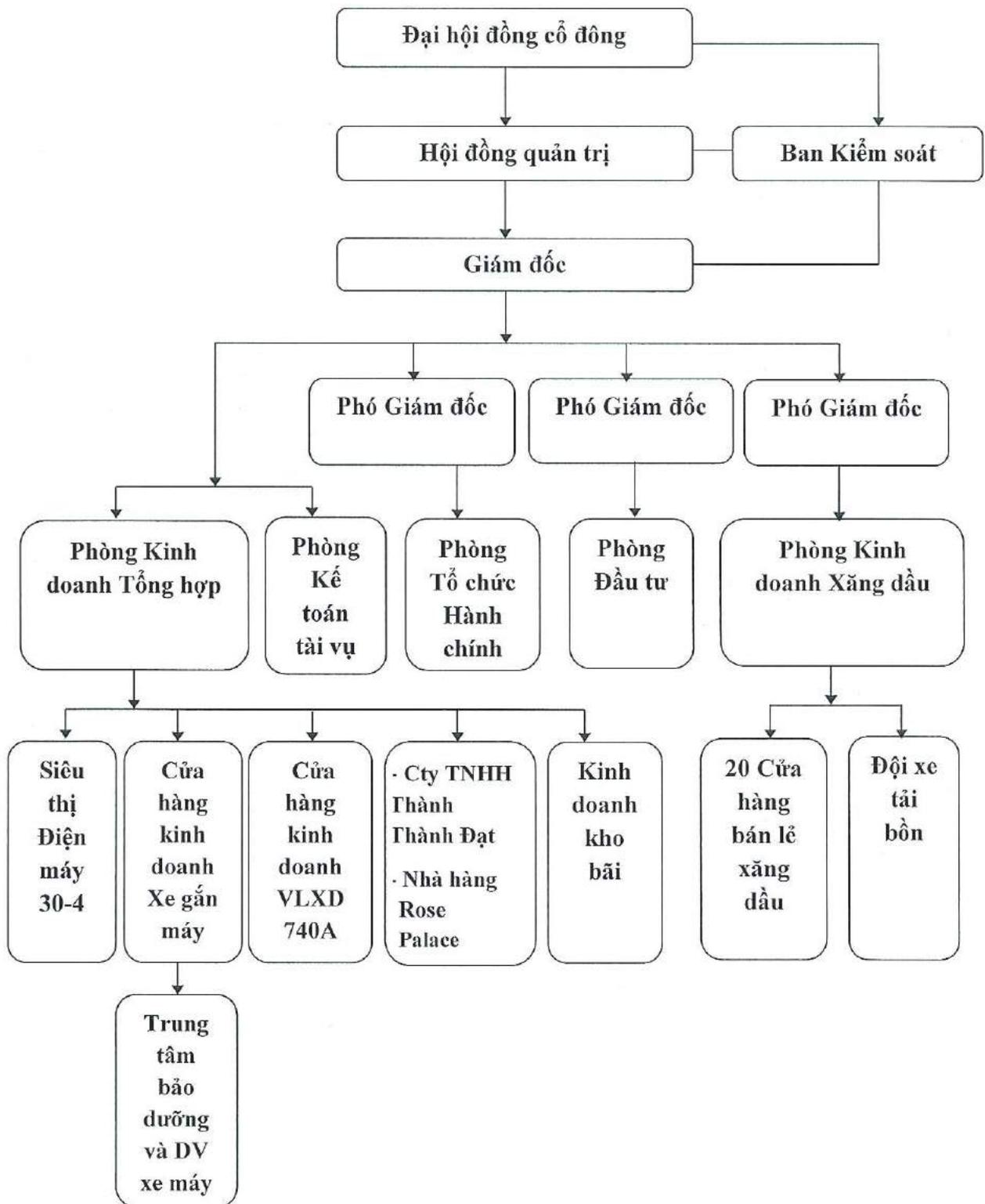
### **1. Mô hình quản trị**

- Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu HĐQT để lãnh đạo và quản lý Công ty; bầu BKS để thay mặt ĐHCĐ giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các Tiểu ban của HĐQT có chức năng tư vấn, tham mưu và hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

- Đứng đầu BĐH là Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Phó Giám đốc và các bộ phận để giải quyết công việc cụ thể.

## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý



### **3. Các Công ty con, Công ty liên kết**

#### **❖ Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt**

- Địa chỉ: 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh chính: nhà hàng tiệc cưới hội nghị, tổ chức sự kiện.
- Vốn điều lệ: 3 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Timexco: 83,33%

#### **❖ Công ty liên kết: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 3/2**

- Địa chỉ: 40/10 đường Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh chính: bán buôn, bán lẻ thực phẩm, hàng may mặc, hóa mỹ phẩm, đồ dùng gia đình.
- Vốn điều lệ: 450.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Timexco: 20%

## **IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu chung**

TIMEXCO không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh với trục chính là kinh doanh xăng dầu, phát triển đồng bộ các ngành kinh doanh khác như sắt thép, điện máy, xe máy, nhà hàng tiệc cưới, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan, đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động của Công ty.

### **2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới bán hàng, phát triển ngành hàng kinh doanh chính là xăng dầu, đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng phù hợp, thoái vốn những ngành hàng kinh doanh không hiệu quả, lợi thế cạnh tranh thấp.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ và lợi ích của khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh các dịch vụ chăm sóc khách hàng; tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu, tiết kiệm chi phí; chọn lọc ứng dụng công nghệ mới để giảm chi phí kinh doanh, tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Bảo toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản; tăng cường công tác quản lý, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

- Chủ động, tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh; nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cho CBNV; đào tạo đội ngũ bán hàng ngày càng chuyên nghiệp hơn nhằm gia tăng thị phần, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho NLĐ; tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

### **2.1. Đối với NLD**

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho NLD; cải tiến chế độ tiền lương, thưởng hợp lý, động viên, khuyến khích kịp thời NLD có thành tích tốt trong hoạt động kinh doanh; đảm bảo môi trường làm việc ngày càng tốt hơn cho NLD, tăng cường sự gắn kết của NLD với Công ty.

### **2.2. Đối với khách hàng**

Chú trọng đảm bảo uy tín thương hiệu, đảm bảo chất lượng hàng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đảm bảo tạo ra sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng.

### **2.3. Đối với đối tác, nhà cung cấp**

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi và có trách nhiệm với môi trường, xã hội.

### **2.4. Đối với cổ đông**

Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

### **2.5. Đối với cơ quan Nhà nước**

Tuân thủ các nghĩa vụ về thuế đầy đủ, đúng thời hạn, tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

### **2.6. Đối với cộng đồng, địa phương**

Đề cao trách nhiệm và chung tay bảo vệ môi trường, cộng đồng thể hiện bằng việc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường, phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

## **V. CÁC RỦI RO**

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, giá dầu thô thường xuyên biến động, tác động đến tình hình kinh tế, tài chính trong nước, ảnh hưởng đến sức cầu của thị trường.

- Những thay đổi về chính sách của Nhà nước về tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối xăng dầu,... làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.

- Thị trường kinh doanh các ngành hàng xăng dầu, sắt thép, điện máy, xe máy, nhà hàng ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn.

- Rủi ro về cháy nổ luôn luôn tiềm ẩn tại các CHXD; rủi ro do khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

- Rủi ro về biến động, điều chỉnh giá xăng dầu do ảnh hưởng giá xăng dầu thế giới.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trên, Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật thông tin thị trường và tình hình giá cả xăng dầu thế giới; theo dõi, cập nhật các chính sách của Nhà nước để đưa ra những giải pháp kinh



doanh phù hợp nhất; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống chữa cháy bán tự động, hệ thống cảnh báo cháy tại các CHXD, định kỳ tổ chức kiểm tra, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho NLĐ, luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; kiểm soát chặt chẽ công nợ, yêu cầu khách hàng ký quỹ mua hàng theo hợp đồng hoặc áp dụng hình thức bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng để đảm bảo an toàn về tài chính của Công ty.

## Phần 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2017	NĂM 2018			
			KH	TH	%/KH	%/TH 2017
<b>1. Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>2.294</b>	<b>1.808</b>	<b>2.631</b>	145,5	114,7
- Kinh doanh xăng dầu	“	1.984	1.504	2.300	152,9	115,9
- Kinh doanh, dịch vụ khác	“	310	304	331	108,9	106,7
<b>2. Lợi nhuận trước thuế</b>	“	<b>28,4</b>	<b>22</b>	<b>36,4</b>	165,5	128,2
<b>3. Các khoản nộp NSNN</b>	“	<b>22,3</b>		<b>28,6</b>		128,3
<b>4. Cổ tức</b>	%	<b>11</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	110,0	100,0

Trong năm, mặc dù thị trường kinh doanh khó khăn, nhưng với sự điều hành, chỉ đạo linh hoạt của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực không ngừng của NLĐ nên Công ty vẫn đạt và vượt kế hoạch về các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018.

### II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 1. Danh sách Ban điều hành

- ◆ **Ông Hoàng Đình Sơn:**                      **Giám đốc**
  - Năm sinh: 18/6/1976
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)
  - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  - + Đại diện PVOIL sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu
- ◆ **Bà Nghiêm Thị Thanh Mai:**              **Phó Giám đốc**
  - Năm sinh: 10/6/1982
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ **Ông Phạm Ngọc Minh:**                      **Phó Giám đốc**
  - Năm sinh: 07/01/1960

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ: 20.100 cổ phiếu (tỷ lệ 0,16%)  
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 20.100 cổ phiếu  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

◆ **Ông Nguyễn Thanh Bình: Phó Giám đốc**

- Năm sinh: 20/5/1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 187.400 cổ phiếu (tỷ lệ 1,51%)  
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 187.400 cổ phiếu  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

◆ **Ông Viên Thiên Khanh: Kế toán trưởng**

- Năm sinh: 01/01/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 16.350 cổ phiếu (tỷ lệ 0,13%)  
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 16.350 cổ phiếu  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

**2. Những thay đổi trong HĐQT và BKS**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được tổ chức vào ngày 24/4/2018 đã bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2018- 2023 như sau:

- ĐHĐCĐ đã bầu ông Võ Khánh Hưng, ông Hoàng Đình Sơn, ông Đỗ Trung Thành, ông Nguyễn Quốc Cường và ông Nguyễn Thanh Bình vào Hội đồng quản trị Công ty; bầu ông Nguyễn Anh Tuấn, ông Phạm Khắc Vũ Thụy và bà Nguyễn Thị Mỹ Dung vào Ban Kiểm soát Công ty Nhiệm kỳ 2018-2023.

- Ông Võ Khánh Hưng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức Trưởng ban Kiểm soát Công ty Nhiệm kỳ 2018- 2023.

- Ông Ma Đức Tú, bà Nghiêm Thị Thanh Mai thôi tham gia Hội đồng quản trị và ông Võ Tuấn Hào thôi tham gia Kiểm soát viên từ ngày 24/4/2018.

**3. Chính sách đối với người lao động**

**3.1. Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2018)**

◇ Tổng số lao động trong Công ty: 369 người, trong đó:

- Người điều hành doanh nghiệp: 06 người
- Người điều hành khác: 18 người
- Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ: 53 người
- Công nhân viên trực tiếp kinh doanh: 292 người.

- Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là: 107 người.

◇ Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ: có 53 đảng viên

- Công đoàn cơ sở: có 345 đoàn viên công đoàn

- Đoàn cơ sở: có 81 đoàn viên thanh niên

### **3.2. Chính sách đối với người lao động**

- Trong năm, Công ty đã tổ chức cho 670 lượt NLĐ tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, bao gồm học nghiệp vụ PCCC, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, lớp hướng dẫn sử dụng phần mềm đánh giá chất lượng dịch vụ CHXD, Anh văn giao tiếp, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động,... với tổng chi phí đào tạo là 780 triệu đồng.

- Tổ chức cho NLĐ đi nghỉ mát nhiều đợt tại Đà Lạt, Vũng Tàu, Phan Thiết, Campuchia; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ năm 2018.

- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách cho NLĐ theo quy định của pháp luật và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định. Ngoài ra, NLĐ còn được tặng quà sinh nhật và được tặng quà khi kết hôn đúng Luật Hôn nhân Gia đình.

- Tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi gia đình chính sách, cán bộ hưu trí; thăm hỏi, trợ cấp đột xuất cho NLĐ khó khăn, NLĐ bị tai nạn lao động, ốm đau, bệnh hiểm nghèo,... từ các Quỹ chung một tấm lòng PVOIL, Quỹ tương trợ Dầu khí.

- Tổ chức tặng quà cho các cháu là con của NLĐ nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu; tổ chức đêm hội trăng rằm với những hoạt động vui chơi thiết thực cho các cháu; trao 16 suất học bổng Nguyễn Đức Cảnh niên học 2018- 2019 cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn để tránh lưu ban, bỏ học với số tiền là 22.000.000 đồng; khen thưởng cho 126 cháu có thành tích học tập khá, giỏi năm học 2017-2018 với tổng số tiền là 53.200.000 đồng; tổ chức cho nữ CBNV Công ty đi vui chơi tại khu du lịch biển Long Hải nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và tặng quà cho nữ CBNV Công ty nhân ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10.

- Tổ chức, tạo điều kiện cho NLĐ và người thân mua xe gắn máy trả góp tại Cửa hàng xe gắn máy trực thuộc Công ty để làm phương tiện đi làm và công tác.

## **III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

### **1. Tình hình thực hiện công tác đầu tư**

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện một số dự án đầu tư, sửa chữa như sau:

- Khởi công xây dựng CHXD số 16 tại 189 Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A, Quận 9;

- Hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng dự án Cụm chung cư tại số 27, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức;

- Lắp đặt thiết bị in chứng từ bán hàng trên cột đo xăng dầu tại tất cả các CHXD;

- Cải tạo, sửa chữa kho 5/159, kho lưu trữ 28 Tâm Tâm Xã;
- Sơn mới các CHXD theo đề án 1114;
- Cải tạo, sửa chữa nâng nền kho thép CH VLXD 740A, nâng nền sân CHXD số 9, Bình Thọ, Long Bình;
- San lấp nền, cải tạo hàng rào khu đất tại CHXD số 12;
- Xây tường rào CHXD Số 5, CHXD số 14;
- Cải tạo, sửa chữa, lắp đặt hệ thống PCCC cho CHXD số 20;
- Súc rửa bồn chứa, đường ống công nghệ cho 11 CHXD;
- Nâng nền khu vực bồn xăng dầu CHXD số 18;
- Lắp đặt hệ thống chữa cháy Foam cho CHXD số 6, 14, Long Trường;
- Lắp đặt nhà để xe nhân viên cho CHXD Số 5,...

## 2. Tình hình hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết

### \* Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt:

- Doanh thu : 2.218.690.522 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : (113.300.528) đồng
- Lợi nhuận sau thuế : (113.300.528) đồng

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	409.269.876.790	294.248.975.918	-28%
Doanh thu thuần	2.294.256.640.545	2.631.524.806.271	+15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.882.189.703	36.346.357.665	+30%
Lợi nhuận khác	524.439.550	100.551.798	-80%
Lợi nhuận trước thuế	28.406.629.253	36.446.909.463	+28%
Lợi nhuận sau thuế	22.780.949.447	29.244.665.145	+28%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	11%	0%

### 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	0,82	1,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
Tài sản lưu động – Hàng tồn kho	Lần	0,28	0,86	
Nợ ngắn hạn				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	52,03	28,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	108,45	40,36	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	17,23	31,81	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	5,61	8,94	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,99	1,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,84	14,40	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,57	9,93	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,24	1,39	

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 09/02/2018		THỜI ĐIỂM 21/02/2019	
		SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/VĐL (%)	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/VĐL (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>12.290.124</b>	<b>99,08</b>	<b>12.294.004</b>	<b>99,15</b>
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>9.204.551</i>	<i>74,23</i>	<i>9.450.711</i>	<i>76,22</i>
1.1	PV OIL	6.325.730	51,01	6.325.730	51,01
1.2	SAIGON PETRO	1.847.160	14,90	1.847.160	14,90
1.3	CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SAI GON CO.OP	765.900	6,17	1.012.100	8,16
1.4	COMECO	264.752	2,14	264.752	2,14
1.5	Tổ chức khác	1.009	0,01	969	0,008
<i>2</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>3.085.573</i>	<i>25,72</i>	<i>2.843.293</i>	<i>22,93</i>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>109.876</b>	<b>0,91</b>	<b>105.996</b>	<b>0,85</b>
1	Tổ chức	7.600	0,06	7.800	0,06
2	Cá nhân	102.276	0,82	98.196	0,79
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12.400.000</b>	<b>100</b>	<b>12.400.000</b>	<b>100</b>

**Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.400.000 cổ phiếu**

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức không tăng vốn cổ phần trong năm 2018.

## VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

### 1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tại văn phòng Công ty và các điểm kinh doanh trực thuộc đều được trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CHXD và thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống; tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD. Việc đo, kiểm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ mỗi năm 02 lần và kết quả đều đạt tiêu chuẩn theo quy định.

## **2. Kiểm soát môi trường làm việc**

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các lớp tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho CBNV và NLD; trang bị bảo hộ lao động cho NLD bao gồm quần áo, giày, bao tay, nón vải, áo mưa,... Trong năm 2018, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Định kỳ mỗi quý, Công ty tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các cửa hàng kinh doanh; thường xuyên quan tâm và tạo môi trường làm việc sạch đẹp, an toàn, thoáng mát cho NLD; vận động tuyên truyền NLD nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn năng lượng như điện, nước,...

## **3. Chăm lo sức khỏe cho NLD**

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho NLD tại các bệnh viện uy tín nhằm hỗ trợ NLD theo dõi và điều trị bệnh kịp thời để đảm bảo sức khỏe tốt cho NLD.

- Đối với NLD trực tiếp làm việc tại các CHXD và vận chuyển xăng dầu (tài xế, phụ xế xe tải bồn) còn được bồi dưỡng sữa hàng tháng.

## **4. Đối với cộng đồng và xã hội**

- Công ty đã thực hiện đầu tư, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các CHXD theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

- Nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng xăng sinh học E5 góp phần bảo vệ môi trường, trong năm 2018, Công ty đã tổ chức các chương trình khuyến mại cho khách hàng mua xăng E5 được tặng dịch vụ rửa xe miễn phí.

### **Phần 3**

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **1. Phân tích tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty**

- Năm 2018, kinh tế Việt Nam tương đối ổn định và đang trên đà tăng trưởng nhanh nhờ đẩy mạnh xuất khẩu và duy trì được nguồn đầu tư ổn định từ bên ngoài. Môi trường đầu tư kinh doanh khá thông thoáng đã góp phần thu hút ngày càng nhiều nguồn lực cho

đầu tư phát triển, là yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước và sức mua của thị trường.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, giá dầu thô và các mặt hàng xăng dầu nhìn chung biến động khá tích cực, giúp Timexco kinh doanh xăng dầu đạt hiệu quả tốt. Trong Quý IV/2018, mặc dù giá xăng dầu thế giới giảm sâu và giảm liên tục nhưng Timexco đã tận dụng được cơ hội trong khó khăn, gia tăng lãi gộp khi mức chiết khấu thị trường duy trì ở mức cao và điều chỉnh tồn kho hợp lý để giảm thiệt hại do giảm giá bán lẻ xăng dầu.

- Bên cạnh đó Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Đề án 1114 của Tổng công ty về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD nhằm tăng sản lượng tiêu thụ bán lẻ xăng dầu tại địa bàn kinh doanh.

- Các ngành kinh doanh phụ khác như: Điện máy, xe máy, sắt thép, Nhà hàng tiệc cưới, vận tải, cho thuê tài sản,... mặc dù các năm gần đây doanh thu đã đến điểm bão hòa và có chiều hướng suy giảm do ngày càng có nhiều đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề được mở mới trên cùng địa bàn nhưng Công ty vẫn cố gắng bằng nhiều giải pháp để duy trì mức lợi nhuận ổn định.

- Việc phát triển Cửa hàng xăng dầu mới còn chậm do các yếu tố khách quan về thủ tục hành chính.

## 2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Tình hình kinh doanh ổn định; công tác an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ được đảm bảo; các chỉ tiêu tài chính đều đạt kế hoạch năm 2018; đời sống và thu nhập của NLĐ ngày càng ổn định hơn.

- Việc duy trì nghiêm chỉnh thực hiện Đề án 1114 của Tổng công ty Dầu Việt Nam về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD đã mang lại kết quả tốt hơn về chất lượng dịch vụ, mỹ quan, an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, góp phần tăng doanh số cho Công ty.

- Năm 2018, Công ty được Đảng bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam công nhận là “Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tiêu biểu”; được Công đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam công nhận là “Công đoàn toàn diện”.

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	42,59	36,03
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	57,41	63,97
<b>Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,03	28,75
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	96,99	92,83
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	%	3,01	7,17
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,97	71,25
<b>Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,84	1,35
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,86

## **2. Tình hình nợ phải trả**

- Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải nộp ngân sách nhà nước, phải trả ngắn hạn khác là 58.812.403.082 đồng.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019**

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng phù hợp, xem xét thu hẹp những ngành hàng kinh doanh hiệu quả thấp, xác định lấy kinh doanh xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh chính và trọng tâm để đẩy mạnh phát triển. Việc triển khai các dự án đầu tư sẽ thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, trên cơ sở cân đối nguồn lực của Công ty và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

### **1. Các chỉ tiêu chính**

- Doanh thu : 2.302 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 23 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 18,4 tỷ đồng

### **2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2019**

#### **2.1. Về phát triển hệ thống kinh doanh**

- Phát triển ít nhất là 01 CHXD mới.
- Tiếp tục cải tạo CHXD theo Đề án 1114, hợp lý hóa khâu bán lẻ, tạo mọi điều kiện cho Cửa hàng tiếp xúc với nhiều khách hàng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng với phương châm “*đúng chất lượng, số lượng, thanh toán linh hoạt*”.
- Tích cực tiếp thị, phát triển khách hàng là các doanh nghiệp có đội xe vận tải mua theo hình thức PVOIL Easy nhằm tăng sản lượng bán lẻ, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Chiến lược bán hàng cho đại lý, khách hàng Công nghiệp có nhiều ưu đãi, cạnh tranh, tăng cường tiếp thị, quảng cáo, quảng bá thương hiệu bằng nhiều hình thức.

#### **2.2. Về tài chính**

- Thực hiện cân đối lại cơ cấu nguồn vốn và tài sản, theo đó sẽ tiếp tục xem xét thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra bên ngoài có hiệu quả thấp và thanh lý, nhượng bán những tài sản hiệu quả khai thác thấp, chuyển một số cơ sở kinh doanh hoạt động kém sang cho thuê.
- Tiếp tục thực hiện việc tiết kiệm chi phí kinh doanh thông qua các hình thức khoán chi phí cho các bộ phận, đơn vị kinh doanh.
- Tăng cường giảm thiểu rủi ro về công nợ bán hàng, chấp hành nghiêm Quy chế quản lý tài chính và quản lý công nợ của Công ty.

#### **2.3. Về tổ chức**

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho NLĐ, giúp NLĐ sớm nắm bắt được các thay đổi về chính sách chế độ, quy định của Nhà nước, cũng như những thay đổi về công nghệ để từ đó thực hiện tốt các công việc được giao.
- Tinh gọn lại bộ máy tổ chức, thu hẹp, giải thể những điểm kinh doanh kém hiệu quả.

- Chăm lo tốt cho đời sống tinh thần của NLD, kết hợp với chính sách lương, thưởng hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao đời sống cho NLD.

#### **IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.**

##### **1. Bảo vệ môi trường**

- Vận động, tuyên truyền NLD nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước; giảm thiểu rác thải tại nơi làm việc; giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe con người.

- Thực hiện tốt phong trào trồng cây xanh tại các cửa hàng kinh doanh, văn phòng làm việc nhằm góp phần giảm tác động của biến đổi khí hậu; tổ chức cho đoàn viên thanh niên tham gia điều hành xe máy để truyền thông việc sử dụng xăng sinh học E5.

##### **2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội**

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho 03 gia đình chính sách trên địa bàn Quận 9 và quận Thủ Đức nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7; tặng 148 phần quà Tết cho người già neo đơn và các em nhỏ trên địa bàn phường Tam Phú, quận Thủ Đức; tặng 02 phần quà cho CBNV Công ty là thương binh và con liệt sỹ.

- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi gia đình chính sách, CBNV nghỉ hưu, với số tiền là: 38.950.000 đồng; Ủng hộ người nghèo nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh, với số tiền là: 170.000.000 đồng; trích tiền lương làm việc thêm ngày thứ Bảy của CBNV văn phòng Công ty để ủng hộ cho quỹ “PVOIL chung một tấm lòng” và “Quỹ tương trợ Dầu khí”.

##### **3. Phát triển nguồn nhân lực**

###### **3.1. Đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm**

- Công tác đào tạo, bổ nhiệm, quy hoạch đúng quy định; thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBNV, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.

###### **3.2. Chính sách đối với NLD**

Công ty không ngừng cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho NLD có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, thân thiện, bình đẳng, hợp tác vì sự phát triển chung của Công ty.

###### **• Lương thưởng:**

Công ty luôn quan tâm và cải tiến chế độ tiền lương, thưởng cho NLD, khen thưởng động viên kịp thời cho các cá nhân và tập thể đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty đều có những khoản chi thưởng cho NLD và thưởng cho các danh hiệu thi đua vào cuối năm.

###### **• Bảo hiểm:**



Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho NLD theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời giải quyết đầy đủ các chế độ về thai sản, ốm đau, trợ cấp thôi việc, nghỉ việc,... cho NLD.

• **Phúc lợi:**

Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho CBNV đi tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước; tặng quà cho con CBNV Công ty vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu; tặng quà cho nữ CBNV vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho NLD khi kết hôn, sinh nhật,... đúng theo Thỏa ước lao động tập thể.

**4. Phát huy dân chủ**

Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở theo Nghị định số 60/2013-NĐ-CP, định kỳ hàng quý Công ty tổ chức Hội nghị đối thoại tại nơi làm việc giữa NSDLD và NLD; tổ chức Hội nghị NLD mỗi năm một lần, từ đó NSDLD nắm bắt được những tâm tư, nguyện vọng của NLD để kịp thời chia sẻ, giải quyết thỏa đáng những ý kiến, nguyện vọng của NLD nhằm đảm bảo quyền lợi cho NLD và luôn duy trì tốt mối quan hệ giữa NSDLD và NLD.

**Phần 4**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Năm 2018, với sự đoàn kết, nỗ lực vươn lên của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBNV, TIMEXCO đã vượt qua được những khó khăn, thách thức của thị trường để hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2018 do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban lãnh đạo Công ty cũng thường xuyên quan tâm thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội, quan tâm đến các chế độ và chính sách về tiền lương, thưởng cho NLD nhằm tạo động lực gia tăng năng suất lao động, cải thiện thu nhập cho NLD.

**II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Trong năm, BGD đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; hoạt động của BGD luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Điều lệ của Công ty.

- BGD đã thường xuyên báo cáo xin ý kiến của HĐQT về các vấn đề quan trọng phát sinh, đồng thời đảm bảo điều hành linh hoạt và hiệu quả các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. BGD đã có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Công ty, đây là sự cố gắng rất lớn của BGD Công ty, tạo điều kiện cho Công ty tiếp tục phát triển ổn định.

**III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT**

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để chỉ đạo và hỗ trợ cho BDH Công ty phát triển kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra,

nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển và củng cố vị thế, nâng cao năng lực cạnh tranh tạo nền tảng cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý và đội ngũ nhân sự của Công ty, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, tăng thu nhập cho NLĐ, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đối tác; tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cộng đồng.

## **Phần 5** **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1. Cơ cấu Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

• **Ông VÕ KHÁNH HÙNG** : Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 28/9/1965

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

• **Ông HOÀNG ĐÌNH SƠN** : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 18/6/1976

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

• **Ông ĐỖ TRUNG THÀNH** : Ủy viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

- Năm sinh: 10/9/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế công nghiệp

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,89%)

• Ông NGUYỄN QUỐC CƯỜNG: Ủy viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

- Năm sinh: 06/10/1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• Ông NGUYỄN THANH BÌNH: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Năm sinh: 25/5/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 187.400 cổ phiếu (tỷ lệ 1,51%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 187.400 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

## **2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT**

**2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển:** gồm có 05 thành viên

• Trưởng ban: Ông HOÀNG ĐÌNH SƠN – Ủy viên HĐQT

• Các thành viên:

- Ông Đào Quang Minh – Trưởng phòng Kinh doanh

- Ông Viên Thiên Khanh – Kế toán trưởng

- Ông Ngô Minh Thắng – Phó phòng Kinh doanh

- Ông Đinh Trung Dũng – Chuyên viên phòng Đầu tư

**2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng:** gồm có 03 thành viên

• Trưởng ban: Ông NGUYỄN THANH BÌNH – Ủy viên HĐQT

• Các thành viên:

- Ông Đặng Quế Sơn – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính

- Bà Nguyễn Thị Mai – Phó phòng Tổ chức Hành chính

## **3. Hoạt động của HĐQT**

- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 và công tác quản lý điều hành của BGD trên cơ sở xem xét các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý để qua đó có những chỉ đạo cho BGD về hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Giám sát BGD trong việc điều hành các hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty thông qua việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. HĐQT thường xuyên bám sát tình hình thực tế của Công ty

để có chỉ đạo kịp thời và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BGD Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty.

#### 4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản với các nội dung chính như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01A/NQ-TMC-HĐQT	12/01/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Định
2	01/NQ-TMC-HĐQT	15/01/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua lịch trình, nội dung, chương trình tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018; Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018; Thống nhất cho Sacombank Thủ Đức tiếp tục thuê mặt bằng tại 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức.
3	01B/NQ-TMC-HĐQT	22/01/2018	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2018.
4	05/NQ-TMC-HĐQT	28/03/2018	Nghị quyết HĐQT về việc chấp thuận đơn vị nhận chuyển nhượng dự án Cụm chung cư TMC.
5	06/NQ-TMC-ĐHCĐ	24/04/2018	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
6	07/NQ-TMC-HĐQT	24/04/2018	Nghị quyết HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát Công ty.
7	09/NQ-TMC-HĐQT	15/05/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua phân công nhiệm vụ trong HĐQT; thông qua mức chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT; thông qua việc Chủ tịch Hội đồng xét duyệt công nợ khách hàng ủy quyền cho Giám đốc Công ty được ký thay Chủ tịch Hội đồng xét duyệt công nợ khách hàng trên các biên bản thẩm định khách hàng và các văn bản có liên quan.
8	10/NQ-TMC-HĐQT	15/05/2018	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2018.
9	11/NQ-TMC-HĐQT	15/05/2018	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng BIDV- CN Đông Sài Gòn.



10	14/NQ-TMC-HĐQT	16/8/2018	Nghị quyết HĐQT về việc giao kế hoạch quỹ lương người lao động, quỹ lương Cán bộ quản lý năm 2018.
11	16/NQ-TMC-HĐQT	16/8/2018	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty Hoàng Đình Sơn.

### **5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT**

- Trong năm, tiểu ban Chính sách phát triển đã tham mưu cho HĐQT về việc lập kế hoạch, xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty; phân tích, đánh giá tình hình kinh tế thị trường trong và ngoài nước và các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để tham mưu cho HĐQT đề ra các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Tiểu ban Nhân sự - lương thưởng đã tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT và Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tham mưu cho HĐQT về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chức danh trong Quy chế Trả lương- trả thưởng của Công ty cho phù hợp hơn.

## **II. BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Cơ cấu Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

• **Ông NGUYỄN ANH TUẤN : Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách**

- Năm sinh: 04/3/1981

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• **Ông PHẠM KHẮC VŨ THỤY : Kiểm soát viên**

- Năm sinh: 03/11/1974

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Nhà nước

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Ninh Thuận và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Đắk Lắk.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

0144  
NG T  
PHI  
ING  
HAP  
J DU  
EXCC  
PHO

• Bà NGUYỄN THỊ MỸ DUNG : Kiểm soát viên

- Năm sinh: 23/4/1979

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ hiện đang nắm giữ: Giám đốc Siêu thị Điện máy 30-4 trực thuộc Công ty.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 4.600 cổ phiếu (tỷ lệ 0,03%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

**2. Hoạt động của BKS năm 2018**

- Rà soát đánh giá việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác quản lý điều hành của HĐQT và BGD; thẩm tra các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán; phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty; Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

**III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS**

**1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Tổng thù lao chi cho HĐQT và BKS năm 2018 là 193.400.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

**2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

TT	Họ tên	Chức danh	Tại thời điểm 31/12/2017		Tại thời điểm 31/12/2018	
			Số CP nắm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ năm giữ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
	<b>Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)</b>		<b>6.325.730</b>	<b>51,01%</b>	<b>6.325.730</b>	<b>51,01%</b>
<i>Trong đó:</i>						
1	Ông Võ Khánh Hưng (Đại diện PVOIL)	Chủ tịch HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
2	Bà Trần Thị Phượng (Đại diện PVOIL)	Người Đại diện vốn PVOIL	2.605.730	21,01%	2.605.730	21,01%
3	Ông Hoàng Đình Sơn (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
4	Ông Nguyễn Quốc Cường (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	0	0	0	0

	<b>Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO)</b>		<b>1.847.160</b>	<b>14,90%</b>	<b>1.847.160</b>	<b>14,90%</b>
5	Ông Đỗ Trung Thành - Đại diện SAIGON PETRO - Sở hữu cá nhân	Ủy viên HĐQT	1.847.160	14,90%	1.847.160	14,90%
			0	0	0	0
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	187.400	1,51%	187.400	1,51%
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>					
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn (Đại diện PVOIL)	Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Phạm Khắc Vũ Thụy (Đại diện SAIGON PETRO)	Kiểm soát viên	0	0	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kiểm soát viên	4.600	0,03%	4.600	0,03%
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>					
1	Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc (Ủy viên HĐQT)				
2	Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	0	0	0	0
3	Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	20.100	0,16%	20.100	0,16%
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc (Ủy viên HĐQT)				
5	Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng- Người CBTT	16.350	0,13%	16.350	0,13%
<b>IV</b>	<b>Người có liên quan tới cổ đông nội bộ</b>					
			4.600	0,04%	4.600	0,04%

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Hoàng Đình Sơn

**Phần 6**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3999 00 91~97 Fax : +84 (28) 3999 00 90  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 35
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	36 - 37



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
- Fax : + 84 (28) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

#### • Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trạm xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hón, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.
32. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;
33. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016 ; hạch toán phụ thuộc.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

## 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### 4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	24/04/2018	-
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	24/04/2018
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	24/04/2018	-
Bà Nghiê m Thị Thanh Mai	Thành viên	25/11/2016	24/04/2018

### 4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	24/04/2018	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Phạm Khắc Vũ Thụy	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	24/04/2018

### 4.3 Ban Điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiê m Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

## 5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-

## 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 37.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

## 9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

T.M. Hội đồng quản trị



VÕ KHANH HUNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

1281  
ÔNG  
NHIỆM  
OÁN V  
UẤN  
7P. H



Số: 2020/19/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Nguyễn Thanh Hồng – Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>106.007.515.329</b>	<b>174.327.872.979</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>37.195.959.514</b>	<b>29.742.401.636</b>
111	1. Tiền		37.195.959.514	29.742.401.636
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.2a	<b>2.912.167.752</b>	<b>4.194.384.709</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.219.051.088	6.164.009.078
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.306.883.336)	(1.969.624.369)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>27.105.359.528</b>	<b>19.071.481.948</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	23.764.439.897	15.253.856.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	998.412.510	2.834.994.387
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.342.507.121	982.631.184
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>38.749.154.525</b>	<b>116.584.657.203</b>
141	1. Hàng tồn kho		38.749.154.525	116.672.933.258
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(88.276.055)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>44.874.010</b>	<b>4.734.947.483</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		27.000.002	58.290.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	4.658.783.473
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		17.874.008	17.874.008
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>188.241.460.589</b>	<b>234.942.003.811</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>169.692.069.344</b>	<b>176.081.235.410</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	57.997.193.063	64.577.738.421
222	- Nguyên giá		134.533.794.794	133.642.688.456
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.536.601.731)	(69.064.950.035)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	111.694.876.281	111.503.496.989
228	- Nguyên giá		126.362.119.803	125.774.499.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.667.243.522)	(14.271.002.814)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.9	<b>7.938.917.402</b>	<b>8.424.973.574</b>
231	- Nguyên giá		12.203.241.726	13.127.813.323
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.264.324.324)	(4.702.839.749)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.374.970.182</b>	<b>41.803.157.483</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	3.374.970.182	41.803.157.483
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.2b	<b>4.959.477.501</b>	<b>4.908.634.905</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.012.871.000	9.690.371.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.053.393.499)	(4.781.736.095)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.276.026.160</b>	<b>3.724.002.439</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.618.745.990	3.009.407.185
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	572.324.465	609.649.985
269	4. Lợi thế thương mại	V.13	84.955.705	104.945.269
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>294.248.975.918</b>	<b>409.269.876.790</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

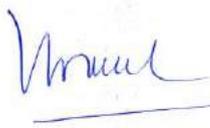
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>84.603.339.016</b>	<b>212.932.613.941</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>78.538.673.768</b>	<b>206.533.475.113</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	51.195.099.028	59.005.933.698
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	859.805.945	56.271.800.205
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.005.301.460	1.681.531.845
314	4. Phải trả người lao động		13.528.665.058	14.145.353.909
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.286.873.998	1.136.993.016
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	4.612.002.594	5.049.156.927
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19b	-	66.792.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	2.050.925.685	2.450.705.513
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.064.665.248</b>	<b>6.399.138.828</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.21	1.436.315.762	3.590.789.342
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.18b	71.349.486	71.349.486
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.22	4.557.000.000	2.737.000.000
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>209.645.636.902</b>	<b>196.337.262.849</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.23	<b>209.645.636.902</b>	<b>196.337.262.849</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		26.018.941.611	24.059.932.101
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.687.364.108	20.319.116.144
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.922.698.962	4.900.341.412
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		26.764.665.146	15.418.774.732
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		481.210.087	500.093.508
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>294.248.975.918</b>	<b>409.269.876.790</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG ĐÌNH SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)**

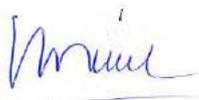
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.631.524.806.271	2.294.256.640.545
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.631.524.806.271	2.294.256.640.545
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.470.731.609.430	2.150.948.043.273
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.793.196.841	143.308.597.272
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.775.006.482	3.285.303.805
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	(171.909.625)	(985.476.873)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		705.503.533	465.365.521
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	82.373.146.673	83.063.029.801
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	46.020.608.610	36.634.158.446
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.346.357.665	27.882.189.703
31	12. Thu nhập khác		866.445.368	699.200.935
32	13. Chi phí khác		765.893.570	174.761.385
40	14. Lợi nhuận khác		100.551.798	524.439.550
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.446.909.463	28.406.629.253
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	7.221.127.739	5.625.586.298
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.225.781.724	22.781.042.955
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		29.244.665.145	22.780.949.447
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(18.883.421)	93.508
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.618	1.137
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.618	1.137

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		36.446.909.463	28.406.629.253
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(4.763.395.140)	5.282.162.623
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9.060.139.220	10.766.475.521
03	- Các khoản dự phòng		(1.479.359.684)	(4.870.186.643)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.049.678.209)	(1.079.491.776)
06	- Chi phí lãi vay		705.503.533	465.365.521
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.683.514.323	33.688.791.876
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.317.779.023)	(585.382.799)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		77.923.778.733	16.501.378.847
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(60.505.551.849)	21.457.431.374
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.421.951.195	(2.231.712.444)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		2.622.457.990	6.989.212.686
14	- Tiền lãi vay đã trả		(761.387.917)	(434.931.276)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.797.186.603)	(5.294.361.406)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.120.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.637.187.499)	(4.720.241.422)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.632.609.350	65.372.305.436
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.449.267.164)	(68.268.185.707)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		54.063.911.272	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		678.304.420	1.079.491.776
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.292.948.528	(67.188.693.931)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		333.366.500.000	269.413.500.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(400.158.500.000)	(244.571.500.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.680.000.000)	(10.193.349.101)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(75.472.000.000)	14.648.650.899
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		7.453.557.878	12.832.262.404
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29.742.401.636	16.910.139.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	37.195.959.514	29.742.401.636

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi là “Công ty”).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

#### **6. Các công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con: 1 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

**Công ty con bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 369 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 370 nhân viên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra, tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Tài sản đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua/hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

### 18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Số liệu so sánh

Trình bày lại Số đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán về giá trị các khoản đầu tư từ chứng khoán kinh doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do Công ty cơ cấu lại khoản đầu tư và để đảm bảo tính so sánh và trình bày lại Số năm trước trên Kết quả kinh doanh về lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 15/05/2018.

	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số đầu năm sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>179.146.507.884</b>	<b>(4.818.634.905)</b>	<b>174.327.872.979</b>
- Chứng khoán kinh doanh	121	15.764.380.078	(9.600.371.000)	6.164.009.078
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	122	(6.751.360.464)	4.781.736.095	(1.969.624.369)
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>230.123.368.906</b>	<b>4.818.634.905</b>	<b>234.942.003.811</b>
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	90.000.000	9.600.371.000	9.690.371.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(4.781.736.095)	(4.781.736.095)
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>409.269.876.790</b>	<b>-</b>	<b>409.269.876.790</b>

	Mã số	Số năm trước trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số năm trước sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.479	(342)	1.137
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.479	(342)	1.137

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	9.449.419.502	11.386.357.607
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.121.007.312	17.719.303.429
- Tiền đang chuyển	625.532.700	636.740.600
<b>Cộng</b>	<b><u>37.195.959.514</u></b>	<b><u>29.742.401.636</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.074.542.224	1.135.925.000	-	1.076.032.115	1.076.032.115	-
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	1.171.750.000	-	585.538.344	585.538.344	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	479.473.051	185.115.700	(294.357.351)	1.814.396.455	1.036.750.000	(777.646.455)
- Tổng Công ty CP Phong Phú (PPH)	662.700.000	752.000.000	-	846.000.000	846.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	-	-	-	226.179	64.250	(161.929)
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	184.240.000	(493.786.087)	678.026.087	187.530.001	(490.496.086)
- Công ty CP Thép Việt Nam (TVN)	-	-	-	555.500.000	412.720.000	(142.780.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long (VLF)	608.289.898	89.550.000	(518.739.898)	608.289.898	49.749.999	(558.539.899)
- Công ty CP Dệt Việt Thắng (TVT)	130.481.484	340.600.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.219.051.088</b>	<b>3.859.180.700</b>	<b>(1.306.883.336)</b>	<b>6.164.009.078</b>	<b>4.194.384.709</b>	<b>(1.969.624.369)</b>

**Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:**

- Cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau giảm do bán bớt 90 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Pomina giảm do bán bớt 42.670 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn giảm do bán hết 5 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Nam giảm do bán bớt 53.600 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty CP Dệt Việt Thắng giảm do bán bớt 54.500 cổ phiếu

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.969.624.369)	(11.627.077.766)
Hoàn nhập dự phòng	662.741.033	4.875.717.302
Trình bày sang dự phòng đầu tư dài hạn	-	4.781.736.095
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(1.306.883.336)</u></b>	<b><u>(1.969.624.369)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>9.012.871.000</b>	<b>4.959.477.501</b>	<b>(4.053.393.499)</b>	<b>9.690.371.000</b>	<b>4.908.634.905</b>	<b>(4.781.736.095)</b>
- Công ty CP Dệt Đông Á <sup>(1)</sup>	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long <sup>(2)</sup>	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec <sup>(3)</sup>	4.186.371.000	1.369.477.501	(2.816.893.499)	4.186.371.000	641.134.905	(3.545.236.095)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn <sup>(4)</sup>	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
- Công ty CP Dệt Việt Thắng	-	-	-	677.500.000	677.500.000	-
- CTY TNHH Ba Tháng Hai <sup>(5)</sup>	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.959.477.501</b>	<b>4.959.477.501</b>	<b>(4.053.393.499)</b>	<b>9.690.371.000</b>	<b>4.908.634.905</b>	<b>(4.781.736.095)</b>

<sup>(1)</sup> Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 897.500.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,88% vốn điều lệ (số đầu năm là 897.500.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ).

<sup>(2)</sup> Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 339.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 339.000.000 đồng, tương ứng 0,65% vốn điều lệ).

<sup>(3)</sup> Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 4.186.371.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,08% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.186.371.000 đồng, tương ứng 0,08% vốn điều lệ).

<sup>(4)</sup> Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 3.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 1,75% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.500.000.000 đồng, tương ứng 1,75% vốn điều lệ).

<sup>(5)</sup> Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 90.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 90.000.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ). Hàng tháng, Công ty nhận mức lãi cố định từ Công ty TNHH Ba Tháng Hai với số tiền là 900.000 đồng/tháng.

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.781.736.095)	-
Tăng dự phòng do trình bày từ chứng khoán kinh doanh sang	-	(4.781.736.095)
Hoàn nhập dự phòng	728.342.596	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(4.053.393.499)</b>	<b>(4.781.736.095)</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>23.764.439.897</b>	<b>15.253.856.377</b>
- Công ty TNHH SX DV Vận tải Thái Khôn	1.213.002.209	393.123.729
- Công ty TNHH Vận tải TM DV Nam Trung Bắc	835.236.190	684.327.019
- Công ty CP Vận tải Transimex	706.538.450	779.685.560
- Công ty/TNHH Frieslandcampina Việt Nam	538.559.264	461.119.963
- Các khách hàng khác	20.471.103.784	12.935.600.106
<b>Cộng</b>	<b>23.764.439.897</b>	<b>15.253.856.377</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-		-	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	998.412.510		2.834.994.387	
- Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	641.929.845		1.322.741.413	
- Các người bán khác	356.482.665		1.512.252.974	
<b>Cộng</b>	<b>998.412.510</b>		<b>2.834.994.387</b>	

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-		-	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.342.507.121		982.631.184	
- Phải thu Honda Việt Nam	34.584.500	-	27.887.500	-
- Ký quỹ ngắn hạn	1.536.583.800	-	225.196.800	-
- Tạm ứng ngắn hạn	20.000.000	-	6.000.000	-
- Phải thu khác	751.338.821	-	723.546.884	-
<b>Cộng</b>	<b>2.342.507.121</b>		<b>982.631.184</b>	

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
- Hàng hóa <sup>(*)</sup>	38.616.909.477	-	116.540.688.210	(88.276.055)
<b>Cộng</b>	<b>38.749.154.525</b>		<b>116.672.933.258 (88.276.055)</b>	

<sup>(\*)</sup> Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, điện máy gia dụng.**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn					Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc		
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm	93.757.788.825	22.184.156.404	16.777.649.708	923.093.519	133.642.688.456		
Mua trong năm	-	896.808.800	-	-	896.808.800		
Đầu tư XDCB hoàn thành	700.488.182	-	-	-	700.488.182		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(706.190.644)	-	(706.190.644)		
<b>Số cuối năm</b>	<b>94.458.277.007</b>		<b>23.080.965.204</b>		<b>16.071.459.064</b>		<b>134.533.794.794</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>							
Số đầu năm	40.082.673.128	17.206.829.537	11.039.417.689	736.029.681	69.064.950.035		
Khấu hao trong năm	4.178.826.912	2.560.405.195	1.358.430.681	80.179.552	8.177.842.340		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(706.190.644)	-	(706.190.644)		
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.261.500.040</b>		<b>19.767.234.732</b>		<b>11.691.657.726</b>		<b>816.209.233</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	53.675.115.697	4.977.326.867	5.738.232.019	187.063.838	64.577.738.421		
<b>Số cuối năm</b>	<b>50.196.776.967</b>		<b>3.313.730.472</b>		<b>4.379.801.338</b>		<b>106.884.286</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.673.578.375 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 4.921.620.730 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	56.189.779.636	69.238.100.167	346.620.000	125.774.499.803
Mua trong năm	-	-	587.620.000	587.620.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.189.779.636</b>	<b>69.238.100.167</b>	<b>934.240.000</b>	<b>126.362.119.803</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	13.924.382.814	346.620.000	14.271.002.814
Khấu hao trong năm	-	278.716.704	117.524.004	396.240.708
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>14.203.099.518</b>	<b>464.144.004</b>	<b>14.667.243.522</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	56.189.779.636	55.313.717.353	-	111.503.496.989
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.189.779.636</b>	<b>55.035.000.649</b>	<b>470.095.996</b>	<b>111.694.876.281</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 346.620.000 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 14.442.451.331 đồng.

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	13.127.813.323	13.127.813.323
Thanh lý, nhượng bán	(924.571.597)	(924.571.597)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.203.241.726</b>	<b>12.203.241.726</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	4.702.839.749	4.702.839.749
Khấu hao trong năm	486.056.172	486.056.172
Thanh lý, nhượng bán	(924.571.597)	(924.571.597)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.264.324.324</b>	<b>4.264.324.324</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	8.424.973.574	8.424.973.574
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.938.917.402</b>	<b>7.938.917.402</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.837.500 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 7.938.917.402 đồng.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	3.969.458.738	8.181.945.488
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
<b>Cộng</b>	<b>12.203.241.726</b>	<b>4.021.296.238</b>	<b>8.181.945.488</b>

Doanh thu nhận được từ việc cho thuê các bất động sản đầu tư trong năm là 2.154.473.580 đồng.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Chung cư 27 đường số 9, Linh Xuân <sup>(1)</sup>	41.215.537.483	477.000.000	-	(41.692.537.483)	-
- Phần mềm kế toán	587.620.000	-	(587.620.000)	-	-
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 18	-	700.488.182	(700.488.182)	-	-
- Trụ bơm CHXD Bình Thọ	-	673.200.000	(673.200.000)	-	-
- Xây dựng CHXD số 16	-	3.374.970.182	-	-	3.374.970.182
<b>Cộng</b>	<b>41.803.157.483</b>	<b>5.225.658.364</b>	<b>(1.961.308.182)</b>	<b>(41.692.537.483)</b>	<b>3.374.970.182</b>

<sup>(1)</sup> Dự án đã được chuyển nhượng cho Công ty CP Tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân theo sự chấp thuận của Quyết định 626/QĐ-UBND ngày 22/06/2018 của UBND Tp. Hồ Chí Minh.**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	996.101.771	1.677.783.436
- Chi phí trả trước dài hạn khác	622.644.219	1.331.623.749
<b>Cộng</b>	<b>1.618.745.990</b>	<b>3.009.407.185</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.009.407.185	793.584.743
Tăng trong năm	-	3.313.462.727
Phân bổ trong năm	(1.390.661.195)	(1.097.640.285)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.618.745.990</b>	<b>3.009.407.185</b>

**12. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh <sup>(*)</sup>	572.324.465	609.649.985
<b>Cộng</b>	<b>572.324.465</b>	<b>609.649.985</b>

<sup>(\*)</sup> Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận khoản lãi cố định hàng tháng, tổng số lãi Công ty đã ghi nhận trong năm là 2.239.630.911 đồng.

**13. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

- Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt

**Cộng**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
	104.945.269	-	(19.989.564)	84.955.705
<b>Cộng</b>	<b>104.945.269</b>	<b>-</b>	<b>(19.989.564)</b>	<b>84.955.705</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn***Phải trả các bên liên quan*

- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM

- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn

*Phải trả các nhà cung cấp khác*

- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam

- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM

- Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh, Điện máy Việt Úc

- Khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>40.765.625.540</b>	<b>40.985.780.000</b>
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM	21.359.180.000	29.663.780.000
- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn	19.406.445.540	11.322.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>10.427.654.428</b>	<b>18.020.153.698</b>
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	431.420.603	400.316.049
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.844.438.850	2.158.903.849
- Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh, Điện máy Việt Úc	600.274.999	326.797.966
- Khác	7.553.339.036	15.134.135.834
<b>Cộng</b>	<b>51.195.099.028</b>	<b>59.005.933.698</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn***Trả trước của các bên liên quan**Trả trước của các khách hàng khác*

- Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam

- Đinh Thanh Hải, Phạm Phong Vũ và Công ty CP tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân

- Khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>859.805.945</b>	<b>56.271.800.205</b>
- Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam	187.893.868	213.921.654
- Đinh Thanh Hải, Phạm Phong Vũ và Công ty CP tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân	-	54.091.184.000
- Khác	671.912.077	1.966.694.551
<b>Cộng</b>	<b>859.805.945</b>	<b>56.271.800.205</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	91.077.765	-	16.826.706.738	(15.580.375.154)	1.337.409.349	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.512.503.045	17.874.008	7.639.163.234	(7.797.186.603)	1.354.479.676	17.874.008
- Thuế thu nhập cá nhân	77.951.035	-	2.045.049.747	(1.809.588.347)	313.412.435	-
- Thuế môn bài	-	-	36.500.000	(36.500.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	2.139.846.846	(2.139.846.846)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.681.531.845</b>	<b>17.874.008</b>	<b>28.687.266.565</b>	<b>(27.363.496.950)</b>	<b>3.005.301.460</b>	<b>17.874.008</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.446.909.463	28.406.629.247
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.380.707.427	194.503.780
+ Tăng theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 24/10/2018	1.697.531.422	-
+ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất	19.989.564	19.989.564
+ Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	-	77.825.286
+ Lỗ của công ty con	113.300.528	-
+ Các khoản tăng khác	549.885.913	96.688.930
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.721.978.192)	(473.201.550)
+ Giảm theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 24/10/2018	(2.185.572.292)	-
+ Cổ tức nhận được	(442.460.000)	(473.201.550)
+ Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	(93.945.900)	-
+ Các khoản khác	-	-
Thu nhập chịu thuế	36.105.638.698	28.127.931.477
<b>Chi phí Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất phổ thông (20%)</b>	<b>7.221.127.739</b>	<b>5.625.586.298</b>
Thuế TNDN nộp thay cho bên liên doanh	107.998.134	93.253.987
Truy thu Thuế TNDN năm trước	310.037.361	-
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>7.639.163.234</b>	<b>5.718.840.285</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn***Chi tiết gồm:*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền thuê đất phải trả	3.286.873.998	1.081.108.632
- Lãi vay phải trả	-	55.884.384
<b>Cộng</b>	<b>3.286.873.998</b>	<b>1.136.993.016</b>

**18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>4.612.002.594</b>	<b>5.049.156.927</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.699.500.000	3.852.685.806
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	912.502.594	1.196.471.121
<b>Cộng</b>	<b>4.612.002.594</b>	<b>5.049.156.927</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	71.349.486	71.349.486
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình (*)	71.349.486	71.349.486
<b>Cộng</b>	<b>71.349.486</b>	<b>71.349.486</b>

(\*) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	66.792.000.000	66.792.000.000
- NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn	-	-	34.792.000.000	34.792.000.000
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quận 9	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Đông Sài Gòn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>66.792.000.000</b>	<b>66.792.000.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay			Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	66.792.000.000	333.366.500.000	(400.158.500.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>66.792.000.000</b>	<b>333.366.500.000</b>	<b>(400.158.500.000)</b>	-

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	2.450.705.513	6.720.407.672	(7.120.187.500)	2.050.925.685
<b>Cộng</b>	<b>2.450.705.513</b>	<b>6.720.407.672</b>	<b>(7.120.187.500)</b>	<b>2.050.925.685</b>

**21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.436.315.762	3.590.789.342
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	1.436.315.762	3.590.789.342
<b>Cộng</b>	<b>1.436.315.762</b>	<b>3.590.789.342</b>

**22. Dự phòng phải trả dài hạn**

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51,01	63.257.300.000	51,01
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	đăng ký doanh nghiệp		
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>-</b>

**23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.680.000.000	9.920.000.000

**23d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**23e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**23f. Phân phối lợi nhuận**

- Trong năm, công ty mẹ (Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức) đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24/04/2018 như sau:

• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	:	433.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	6.720.407.672
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	1.959.009.510
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	6.200.000.000
<b>Cộng</b>	:	<b>15.312.417.182</b>

- Ngoài ra, Công ty tạm phân phối cổ tức từ kết quả kinh doanh của năm 2018 với số tiền là 2.480.000.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/NQ-TMC-HĐQT ngày 15/05/2018.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	2.558.116.008.067	2.272.250.062.425
+Doanh thu bán xăng dầu	2.305.100.001.223	1.989.115.494.690
+Doanh thu bán xe máy	115.906.919.252	115.626.148.024
+Doanh thu bán sắt thép	33.209.183.727	34.523.964.026
+ Điện máy, điện tử gia dụng	102.402.338.327	132.332.325.742
+ Doanh thu bán gas	1.497.565.538	652.129.943
- Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	13.526.706.245	10.178.148.188
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	5.963.635.232	11.828.429.932
- Doanh thu chuyển nhượng dự án	53.918.456.727	-
<b>Cộng</b>	<b>2.631.524.806.271</b>	<b>2.294.256.640.545</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.423.005.451.386	2.141.984.796.646
+Giá vốn bán xăng dầu	2.204.288.348.899	1.897.302.534.668
+Giá vốn bán xe máy	98.318.008.760	99.535.294.361
+ Giá vốn bán sắt thép	31.272.658.117	31.997.259.433
+ Điện máy, điện gia dụng	87.639.531.547	112.504.533.931
+ Giá vốn bán gas	1.486.904.063	645.174.253
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp tiệc cưới	5.547.564.389	3.967.988.187
- Chi phí kinh doanh cho thuê mặt bằng	486.056.172	4.995.258.440
- Chi phí chuyển nhượng dự án	41.692.537.483	-
<b>Cộng</b>	<b>2.470.731.609.430</b>	<b>2.150.948.043.273</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	235.844.420	606.290.226
- Cổ tức lợi nhuận được chia	442.460.000	473.201.550
- Chuyển nhượng chứng khoán	816.903.201	-
- Thu từ hợp tác kinh doanh	2.239.630.911	2.129.836.368
- Thu nhập khác	40.167.950	75.975.661
<b>Cộng</b>	<b>3.775.006.482</b>	<b>3.285.303.805</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	705.503.533	465.365.521
- Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	493.420.181	3.371.715.180
- Hoàn nhập đầu tư tài chính	(1.391.083.629)	(4.875.717.302)
- Chi phí tài chính khác	20.250.290	53.159.728
<b>Cộng</b>	<b>(171.909.625)</b>	<b>(985.476.873)</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	46.174.223.523	47.992.405.673
- Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	8.435.442.397	9.766.824.898
- Chi phí khấu hao	8.009.029.278	9.666.568.993
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác	19.754.451.475	15.637.230.237
<b>Cộng</b>	<b>82.373.146.673</b>	<b>83.063.029.801</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	25.721.102.946	21.554.108.745
- Chi phí vật liệu quản lý	1.078.955.742	1.094.354.903
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	553.238.858	613.850.356
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác	18.647.321.500	13.351.854.878
- Phân bổ lợi thế thương mại	19.989.564	19.989.564
<b>Cộng</b>	<b>46.020.608.610</b>	<b>36.634.158.446</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.225.781.724	22.781.042.955
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	18.883.421	(93.508)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(9.182.824.856)	(8.679.417.182)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.061.840.289	14.101.532.265
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.618</b>	<b>1.137</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 31,4% theo Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 15/05/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.225.781.724	22.781.042.955
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh		-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	18.883.421	(93.508)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(9.182.824.856)	(8.679.417.182)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.061.840.289	14.101.532.265
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.618</u></b>	<b><u>1.137</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 31,4% theo Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 15/05/2018.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.514.398.139	10.861.179.801
- Chi phí nhân công	71.895.326.469	69.546.514.418
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.562.268.136	10.280.419.349
- Lợi thế thương mại	19.989.564	19.989.564
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.448.138.118	20.625.181.198
- Chi phí khác	7.953.634.857	8.363.903.917
<b>Cộng</b>	<b><u>128.393.755.283</u></b>	<b><u>119.697.188.247</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lương, thưởng, thù lao	4.874.266.000	5.303.327.500
- Cổ tức nhận được	156.695.000	491.160.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.030.961.000</u></b>	<b><u>5.794.487.500</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty, CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	950.563.082.939	796.111.858.651
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 31/12/2017	19.406.445.540	11.322.000.000
- Công ty, TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	1.146.562.009.554	1.073.604.779.553
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 31/12/2017	21.359.180.000	29.663.780.000

#### 2. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	2.305.100.001.223	2.204.288.348.899	100.811.652.324	4,37%
Xe máy	115.906.919.252	98.318.008.760	17.588.910.492	15,18%
Sắt thép	33.209.183.727	31.272.658.117	1.936.525.610	5,83%
Hàng hóa điện máy	102.402.338.327	87.639.531.547	14.762.806.780	14,42%
Gas	1.497.565.538	1.486.904.063	10.661.475	0,71%
Dịch vụ tiệc cưới	13.526.706.245	5.547.564.389	7.979.141.856	58,99%
Cho thuê mặt bằng và khác	5.963.635.232	486.056.172	5.477.579.060	91,85%
Chuyển nhượng dự án	53.918.456.727	41.692.537.483	12.225.919.244	22,67%
<b>Cộng</b>	<b>2.631.524.806.271</b>	<b>2.470.731.609.430</b>	<b>160.793.196.841</b>	<b>6,11%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Năm trước*

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.989.115.494.690	1.897.302.534.668	91.812.960.022	4,62%
Xe máy	115.626.148.024	99.535.294.361	16.090.853.663	13,92%
Sắt thép	34.523.964.026	31.997.259.433	2.526.704.593	7,32%
Hàng hóa điện máy	132.332.325.742	112.504.533.931	19.827.791.811	14,98%
Gas	652.129.943	645.174.253	6.955.690	1,07%
Dịch vụ tiệc cưới	10.178.148.188	3.967.988.187	6.210.160.001	61,01%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	11.828.429.932	4.995.258.440	6.833.171.492	57,77%
<b>Cộng</b>	<b>2.294.256.640.545</b>	<b>2.150.948.043.273</b>	<b>143.308.597.272</b>	<b>6,25%</b>

**- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán**

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	-	27.458.121.096	19.820.641.422	-	16.563.766.563	521.119.898	188.363.648.979
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	4.239.290.679	-	22.783.756.780	93.508	27.023.140.967
- Lợi trong năm	-	-	-	-	-	22.780.949.447	93.508	22.781.042.955
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	4.239.290.679	-	-	-	4.239.290.679
- Tăng khác	-	-	-	-	-	2.807.333	-	2.807.333
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(19.028.407.199)	(21.119.898)	(19.049.527.097)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(19.028.407.199)	(21.119.898)	(19.049.527.097)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	-	27.458.121.096	24.059.932.101	-	20.319.116.144	500.093.508	196.337.262.849
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	1.959.009.510	-	29.244.665.145	(18.883.421)	31.184.791.234
- Lợi trong kỳ	-	-	-	-	-	29.244.665.145	(18.883.421)	29.225.781.724
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	1.959.009.510	-	-	-	1.959.009.510
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	(17.876.417.181)	-	(17.876.417.181)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(1.959.009.510)	-	(1.959.009.510)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.720.407.671)	-	(6.720.407.671)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.680.000.000)	-	(8.680.000.000)
- Thường HDQT và BKS	-	-	-	-	-	(433.000.000)	-	(433.000.000)
- Thường HDQT và BKS năm 2016	-	-	-	-	-	(84.000.000)	-	(84.000.000)
7. Số dư cuối năm	124.000.000.000	-	27.458.121.096	26.018.941.611	-	31.687.364.108	481.210.087	209.645.636.902



(\*) Chi tiết tình hình tăng, giảm trong năm nay như sau:

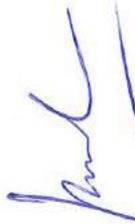
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong	Số dư đầu năm nay	Lãi/Lỗ trong năm	Phân phối lợi nhuận	Số dư cuối kỳ này
Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thái	500.093.508	(18.883.421)	-	481.210.087
<b>Cộng</b>	<b>500.093.508</b>	<b>(18.883.421)</b>	<b>-</b>	<b>481.210.087</b>

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Giám đốc



THU ĐỨC THƯƠNG ĐÌNH SƠN